

## “Tiếng Việt từ thời LM de Rhodes - quan tiền xưa với nhận xét mới”

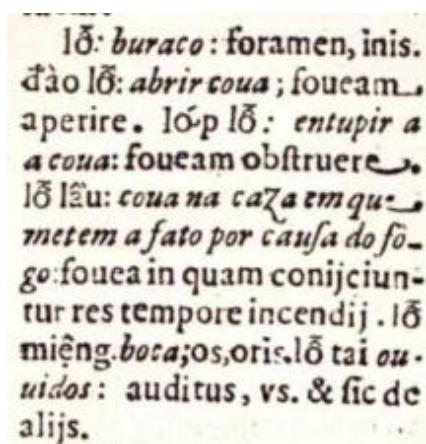
(phần 21B)

Nguyễn Cung Thông<sup>1</sup>

Phần này bàn về cách dùng **quan tiền** và các cách tính tiền thời trước và thời LM de Rhodes, dựa vào tự điển Việt Bồ-La và một số tài liệu chữ quốc ngữ và nước ngoài. Ngoài ra, một số nhận xét của người ngoại quốc khi dùng đồng tiền An Nam cũng cho thấy thực trạng của loại tiền này. Các phê bình này hầu như thiếu vắng trong tài liệu Hán, Nôm hay chữ quốc ngữ. Đây là những chủ đề có rất ít người đề cập hay khảo sát sâu xa. Tài liệu tham khảo chính của bài viết này là bốn tác phẩm của LM de Rhodes soạn: (a) cuốn Phép Giảng Tám Ngày (viết tắt là PGTN), (b) Bản Báo Cáo vắn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh (viết tắt là BBC), (c) Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài 1627-1646 và (d) từ điển Annam-Lusitan-Latinh (thường gọi là Việt-Bồ-La, viết tắt là VBL) có thể tra từ điển này trên mạng, như trang này chẳng hạn <http://books.google.fr/books?id=uGhkAAAAMAAJ&printsec=frontcover#v=onepage&q&f=false>. Không có nhiều tài liệu Hán Nôm viết về chủ đề tiền tệ trước đây nên người viết thường dựa vào một số ca dao và thành ngữ/tục ngữ đã được lưu truyền trong dân gian. Trang/cột/tờ của VBL được trích lại từ bản La Tinh để người đọc tiện tra cứu thêm. Tương quan Hán Việt ghi nhận trong bài không nhất thiết khẳng định nguồn gốc của các từ liên hệ (có gốc Việt hay Hán). Bài này đánh số **21B** vì là một trong loạt bài liên hệ hay cùng chủ đề, như “Tiếng Việt thời LM de Rhodes - tiền gián, bẻ tiền bẻ đũa” là phần **21**, “Tiếng Việt thời LM de Rhodes - tiền quý, cheo, tính tiền khi đi chợ ...” là phần **21A**. Bạn đọc nên tham khảo các bài ghi trên cho được liên tục (bài 21 - bài 21A - bài 21B ...).

### 1. Lỗ lâu

VBL trang 418 ghi **lỗ lâu** là lỗ đào ở giữa nhà để giữ bảo vật trong trường hợp hỏa hoạn ... Lỗ lâu ghi hai lần trong mục lỗ (trang 418) và mục lâu (trang 404-405), theo người viết **lỗ lâu** cũng là chỗ để tiền quý hay vàng bạc châu báu trong nhà ...v.v...



VBL trang 418

Cấu trúc đặc biệt của loại tiền kim loại này, với lỗ vuông hay tròn ở giữa, đã tạo ra một số cách dùng đặc biệt như

- **quan tiền** = 10 tiền = 600 đồng (quan là dây khâu tiền, nghĩa cổ đại)

<sup>1</sup> Nghiên cứu ngôn ngữ độc lập ở Melbourne (Úc) – email [nguyencungthong@yahoo.com](mailto:nguyencungthong@yahoo.com)

- một **vĩa tiền** (VBL trang 794) – một vác tiền (Vallot, 1898 – Đàng Ngoài) hay **năm quan tiền**, dẫn đến bài thơ mượn tiền của nữ sĩ Hồ Xuân Hương (mượn năm mà chỉ được ba) - Đàng Ngoài. **Chục** là một **chục quan tiền** (= 10x600 đ = 6 ngàn đ) theo J. Silvestre trang 77, sđd. Chục (tiền) rất nặng (= 10 quan tiền ~ 10x2 kg = 20 kg) còn được dùng làm ‘dò dẫn’ trên tàu. Phần sau sẽ đi vào chi tiết hơn về ảnh hưởng của khối lượng mỗi quan tiền xưa.
- một **tiền** = 60 đồng tiền kẽm – một **chày** (Vallot, 1898) – Đàng Ngoài
- **lõi tiền** (VBL trang 794).
- **xổ tiền vào** (VBL trang 794).
- **gieo tiền** (VBL trang 794).
- **làm tiền** (VBL trang 794, đòi thuế bằng đồng tiền, khác với nghĩa trong tiếng Việt hiện đại)
- **tiền bộp** (VBL trang 794, tiền chi đã mòn đi).
- **tiền giấy/tiền chỉ** (VBL trang 794, phí trả cho nhà nước - tiền giấy nghĩa khác với cách hiểu bây giờ).
- **ăn tiền/ăn giấy/ăn chỉ** (VBL trang 7, phí cho nhà nước/quan lại).
- **bể tiền** (VBL trang 794, 795, 32, 239 ...) ...v.v...

Ngoài ra, **lỗ lâu** (tiếng Việt thời LM de Rhodes) còn là một loại "**tủ sắt thiên nhiên**" (~ kết sắt, tủ tiền) giữ tiền quý hay bảo vật ở trong nhà khi có những tình huống nguy hiểm như thiên tai, trộm cướp. Điều này cũng giải thích tại sao vào thời này thỉnh thoảng dân chúng vẫn đào thấy những hũ tiền chôn sâu dưới đất, như theo bài báo "Bí mật hũ tiền lớn chôn sâu dưới lòng đất ở Nghệ An" (1/1/2014), xem trang này chẳng hạn <https://vtc.vn/bi-mat-hu-tien-lon-chon-sau-duoi-long-dat-o-nghe-an-ar140361.h...v.v...>

## 2. Hình một nông dân mang (gánh) quan tiền

Như đã viết trong phần 21A, một quan tiền chỉ là một xâu tiền<sup>2</sup> hay một tập hợp 600 đồng (tiền quý) và có thể nặng đến 2 kí lô hay hơn nữa. Theo LM Taberd (1838) thì mỗi **đồng** nặng khoảng **2.6767 gram** và một quan nặng **khoảng 1.5 kí lô** (khối lượng quan tiền có thay đổi tùy theo từng tác giả và thời đại/NCT). Điều đáng chú ý là một quan tiền không nhẹ mà cầm gọn trong tay được. Một điểm đáng ghi lại ở đây là nhận xét của LM de Rhodes (khoảng đầu thập niên 1650 trong "Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài") về xâu tiền An Nam "*Tất cả loại tiền đồng, lớn hay bé đều nhẵn và tròn, khắc bốn chữ trên mặt và tất cả đều có lỗ ở giữa, để dùng dây xỏ vào như thường lệ. Vì thế mỗi dây buộc chừng sáu trăm<sup>3</sup> hoặc mười lần sáu*

<sup>2</sup> Không phải lúc nào quan cũng nhất thiết là một xâu tiền như đã viết ở trên (nghĩa cổ của quan bộ 貫, cũng là mân bộ 緡 thấy rõ nghĩa dây xâu hơn). Như vào thời nhà Hồ khi dùng tiền giấy (ban hành vào năm 1396 thời Trần Thuận Tông) thì một quan tiền giấy là một tờ giấy có vẽ hình con rồng (rồng tương trưng cho thiên tử cao nhất trong tứ linh long lân quy phượng, tương đương với 1 quan/NCT).

<sup>3</sup> Tuy nhiên LM Cristophoro Borri (1631) lại ghi là mỗi **quan tiền** bằng **một ngàn đồng**, có lẽ bị ảnh hưởng bởi cộng đồng người Hoa và Nhật ở Hội An. Trong bản tường trình, LM Borri cũng nhắc đến đồng **ducat**, một loại tiền dùng ở Ý (Venice) bằng khoảng 1 đến 2 quan An Nam/NCT: "*Tôi còn nhớ một người Bồ Đào Nha đem từ Macao đến Đàng Trong một hộp kim may, nó chỉ độ không hơn 30 ducat mà bán được hơn một nghìn*". Tiền **ducat** được đúc bởi Tòa Thánh La Mã từ năm 1432, cho nên khá thịnh hành trong các nước có ảnh hưởng CG vào thời Trung Cổ. Bản tường trình cũng nhắc đến đồng **écu** (Pháp) tương đương với 3 đồng livre (Pháp) hay khoảng 3 quan tiền An Nam (tính qua hối suất tiền Guilder năm 1632/NCT). Trong Lịch sử Vương Quốc Đàng

mười có đánh dấu để phân biệt mỗi sáu chục đồng. Như vậy rất thuận tiện để quàng vào cánh tay hay khoác lên vai khi đi chợ, không cần dùng túi như chúng ta, chỉ dùng dây mà thôi". Có thể nhu cầu của LM de Rhodes không giống với thời đại của tác giả Charles Lemire vào năm 1868, khi ông đưa ra nhận xét rất khác biệt "Đồng tiền An Nam là một đĩa bằng kẽm với lỗ vuông ở giữa, một mặt ghi triều đại mà đồng tiền được đúc. 600 đồng xâu lại thành một quan tiền hay một chuỗi tương đương với một phật lạng (franc). Mỗi quan lại được chia thành 10 tiền hay 10 đoạn có 60 đồng cho từng đoạn - tập hợp 10 tiền như vậy giống như tiền của nhà lập pháp Hi Lạp Lycurgus<sup>4</sup> - vì tiền này nặng và khó đem đi theo mình" (tạm dịch/NCT). Hình chụp ở dưới vào năm 1927, năm mà Quốc Văn Giáo Khoa Thư (lớp sơ đẳng) xuất bản bài ca dao "đi chợ tính tiền", hình trích từ trang này<sup>5</sup> <http://bunum.univ-cotedazur.fr/omeka-s-dev/s/mai/68/item/6208#?c=&m=&s=&cv=&xywh=-1590%2C0%2C5444%2C3163>



Ngoài (sdd) từ 1627 tới năm 1646, LM de Rhodes cũng nhắc đến đồng écu: "Ở nước này người ta không đúc tiền như ở Trung Quốc, trừ tiền bằng đồng. Người Đàng Ngoài dùng vàng và bạc để buôn bán những hàng hóa quan trọng, nhưng họ không dùng vàng bạc giấp khuôn hay côi đúc, chỉ chặt thành miếng hay thành thỏi sau khi nấu trong lò. Về bạc họ dùng trong việc thương mại, thường là bạc nén, tương đương với mười écu, còn về vàng thì nhẹ hơn nhiều, về giá thì tùy theo trọng lượng, tùy theo giá cao hay thấp".

<sup>4</sup> Đây là kiểu nói ẩn dụ so sánh tiền An Nam **cồng kền** và **không có lợi nhiều** như tiền sắt của nhà lập pháp/nhà sáng lập cổ đại Lycurgus (khoảng 820 TCN, Hi Lạp). Ông từng cấm dùng tiền vàng và bạc mà chỉ dùng tiền sắt 'đặc biệt' hầu xóa bớt khoảng cách trong xã hội (hay để tăng mức bình đẳng xã hội).

<sup>5</sup> Trang mạng này có nhiều hình cổ và hiếm như hình vua Khải Định, hình vua đang làm việc, hình vua ký tên (viết chữ Nho), hoàng tử Vĩnh Thụy, Hoàng Hậu, quan chức, danh tướng, hoạt động xã hội như chợ ở quê...v.v...

Lần cần về đồng tiền cổ VN đã có từ trước đây, như vào thời vua Lê Thánh Tông (1442-1497) đã phải ra luật 'bảo vệ' tiền không được hoàn hảo cho lắm - trích từ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư trang này chẳng hạn <http://www.nomfoundation.org/nom-project/history-of-greater-vietnam/Search-History-of-Greater-Vietnam?uiLang=vn>

**Vua Trị vì : Thánh Tông Thuần Hoàng Đế, hạ [Lê Tư Thành]  
Thời gian trị vì : ở ngôi 38 năm, đặt niên hiệu 2 lần [1460-1497]**

<p>nay, dân chúng mua bán hàng hóa gì và người kiểm thu các loại tiền nộp vào kho công, nếu <b>đồng tiền</b> ném xuống đất có tiếng kêu, còn xâu lạt được, tuy có sút mẻ vành cạnh một chút, thì từ nay nhất loạt phải nhận dùng cả, không được quá kén hoặc không tiêu</p>	<p>今百姓買賣貨物及檢收納官庫諸錢擲地有聲穿縷猶得論郭少缺自今一體收用不得苛揀拒斥 初十日諭六科御史口監察曰進賢退不肖為政之大務也 是故任賢勿貳去邪勿疑唐口之所以臻於變枝風旌淑別慝彰善瘴惡成周之所以致太平之治 朕即位之初任仁為政得賢迤佐治功然慮各衙門官善惡混淆忠邪靡定儻不區處曷示勸懲爾輩司朝廷之綱紀作天</p>
---	---

Cho đến đầu TK 19, rắc rối về phẩm chất đồng tiền cổ VN còn được trung úy hải quân Mỹ John White ghi nhận trong cuốn *A Voyage to China Sea* như sau "*Dây xâu tiền (một quan tiền có 10 tiền/NCT) thắt nút ở giữa, thành ra mỗi 5 tiền hay 300 đồng xâu lại ở hai bên và hai đầu cột lại. Các loại tiền này còn được lưu trữ ở viện bảo tàng Công Ty Hàng Hải Đông Ấn. Quan và tiền là đơn vị tiền ảo (không có thật/NCT). Người có tiền này thường bị mất mát lớn, vì thành phần kim loại đúc tiền này rất giòn và vì thế tiền này thường dễ sút mẻ; ngoài ra vì không có nhà băng hay không có cơ sở chính thức giữ tiền trong nước nên người có tiền phải chôn tiền dưới đất và càng làm chúng dễ hao mòn đi ...*" tạm dịch từ nguyên bản tiếng Anh/NCT - xem hình chụp bên dưới

The string is divided in the middle by a knot, and five mace, or three hundred sepecks strung on each side, and the ends tied together. Specimens of each kind are deposited in the East India Marine museum. The quan and mace are imaginary. Great loss is experienced by the holders of this money; for the metal, or rather composition of which it is made, is very brittle, and the pieces are constantly crumbling off; and as there are no banks, or public places of deposit for money in the country, the native possessors bury it in the earth, which adds greatly to its fragility. It is, besides, very incommodious, on ac **trích từ trang 257 (sdd)**

Vài danh từ đặc biệt trong đoạn trích ở trên là **mace** và **sepecks** chỉ tiền và đồng tiền, để ý rằng tác giả John White vẫn dùng dạng tiếng Việt **quan**. Mace tiếng Anh có gốc là tiếng Mã Lai, nhập vào tiếng Bồ Đào Nha thành maes (hay mas) và trở thành thông dụng trong thị trường Á Châu vào những thế kỉ trước, khi Bồ Đào Nha còn nắm thế thượng phong trong hàng hải và thương mại quốc tế. Mace chỉ một đơn vị khối lượng (khoảng 3,78 gram) hay đơn vị tiền tệ, trong trường hợp này chỉ tiền An Nam (hay 60 đồng An Nam). Vào thời tác giả John White thì 2 quan tiền An Nam tương đương với một đồng bạc Tây Ban Nha (Spanish

dollar, trang 241 sdd) hay một peso, hồi suất này cũng được tác giả John Crawford ghi nhận trong nhật ký (trang 241, sdd). Sepeck tiếng Anh (sapèque tiếng Pháp) chỉ đồng tiền hay đơn vị tiền nhỏ nhất của An Nam. Sepeck có gốc là tiếng Mã Lai: sepeck < sapacu, sa là một, pacu là đồng tiền có lỗ ở giữa. Tác giả John White ghi rõ là dạng sepeck là từ Bồ Đào Nha nhưng dân bản xứ gọi là **dong** (đồng, trang 241 sdd).

Học giả Pháp Jules Silvestre (1841-1918), chuyên khảo về tiền tệ VN, đã ghi lại trải nghiệm khi sử dụng râu tiền ở địa phương: "*Một khuyết điểm quan trọng là không có loại tiền nào dùng khác hơn là đồng tiền bằng kẽm (sapèque): cần cả một xe vận tải đại bác để chở các râu tiền này sau khi đổi 1 ngàn Phật Lăng (francs) vì chúng nặng bằng một tấn (tonneau) rưỡi!* Khi đi chợ, có khi một con gà còn nhẹ hơn số đồng tiền bỏ ra mua nó" tạm dịch từ nguyên bản tiếng Pháp/NCT.

*Un autre inconvénient, des plus graves aussi, consistait dans l'absence totale de monnaies divisionnaires autres que l'incommodé sapèque de zinc : il fallait un fourgon du train d'artillerie pour aller échanger 1,000 francs en ligatures de sapèques, puisque l'on n'en avait pas moins du poids d'un tonneau et demi..., et au marché le poulet pesait quelquefois moins que son prix en monnaie.*

**J. Silvestre, trang 109 sdd**

Nhà báo Mỹ William Sachtleben đã có lần ở thành phố Ghulja (hay Y Trữ 伊宁) năm 1892 và muốn đi xe đạp với người bạn Nga đến Bắc Kinh: ông ghi nhận bao nhiêu khó khăn khi muốn chuyên chở loại tiền râu của Trung Hoa khi du hành. Hình chụp bên dưới cho thấy một đồng râu tiền ông và người bạn dùng để trả chỉ cho một bữa ăn ở nhà hàng địa phương!



Hình trích từ trang

[https://www.wikiwand.com/en/String\\_of\\_cash\\_coins\\_\(currency\\_unit\)](https://www.wikiwand.com/en/String_of_cash_coins_(currency_unit))

<sup>6</sup> John White/1823 ghi lại hình ảnh một chiếc thuyền chở đầy đồng tiền địa phương vì khi đổi 750 đồng Tây Ban Nha ra tiền An Nam vì các râu tiền đôi nặng đến 2 tấn rưỡi (trang 290, sdd). Điều này khá chính xác vì 750 đồng Tây Ban Nha tương đương với khoảng 1,500 quan tiền, hay nặng khoảng 1,500x1,5 kg = 2,250 kg hay 2 tấn và 250 kg (dựa vào ước lượng của LM Taberd/1838).

Một điểm nên ghi lại ở đây là trong nhật ký của mình (trang 373, vào trưa ngày 26/9/1822, sđd), John Crawford nhắc lại chuyện một viên quan VN trao cho ông 30 quan tiền với mục đích là người nhà (giúp việc) ông đi chợ địa phương mà không gặp rắc rối lúc trả tiền. John Crawford đã nhận số tiền này vì sợ làm phật lòng quan chức ở đây, điều mà ông cố tránh. Tuy nhiên, ở phần phụ chú cùng trang ông ghi thêm là (ba mươi quan tiền VN) "*bằng khoảng 15 đồng Tây Ban Nha (Spanish dollars), và làm bằng những đồng tiền **tồi tàn** (miserable) đúc bằng kẽm*" tạm dịch/NCT. Như vậy là các nhận xét<sup>7</sup> trên đều cho thấy có vấn đề về phẩm chất cũng như khối lượng của đồng tiền VN từng sử dụng trước đây.

### 3. Xã hội không dùng tiền mặt (cashless society)

Người viết còn đặc biệt chú ý đến nhận xét của John White rằng **quan và tiền là ảo**<sup>8</sup> ("*The quan and mace are imaginary*") từ tài liệu tiếng Anh chụp lại bên trên). Đây có lẽ báo hiệu cho một hiện tượng có thể sẽ xảy ra trong tương lai gần về việc **thanh toán không dùng tiền mặt** (ttkdtm) - nhất là trong thời buổi **coronavirus** đang tung hoành khắp nơi! Một cách ttkdtm là dùng thẻ tín dụng (credit card), cân nặng khoảng 5 gram hay kém hơn khối lượng của hai đồng tiền, tuy nhiên không công kênh nhưng mãi lực rất cao và độ bền cao so với tiền kim loại và tiền giấy thời trước. Đối với xã hội hiện đại, ttkcdtm mang lại nhiều ưu điểm cho nền kinh tế khi tiết kiệm nhân lực, các dạng chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường chung quanh như ít rác hơn, ít giấy dùng hơn ...v.v... Trong thời buổi lây lan của **coronavirus**, dùng thẻ tín dụng lại càng có nhiều ưu điểm vì không cần phải qua tay nhiều người như tiền mặt. Hình minh họa sau cho thấy thẻ tín dụng hay thẻ ghi nợ (debit card) có thể dùng để trả khi đi chợ, đi máy bay, đi du lịch/nghỉ hè, trả lương, đổ xăng, đi ăn nhà hàng ...



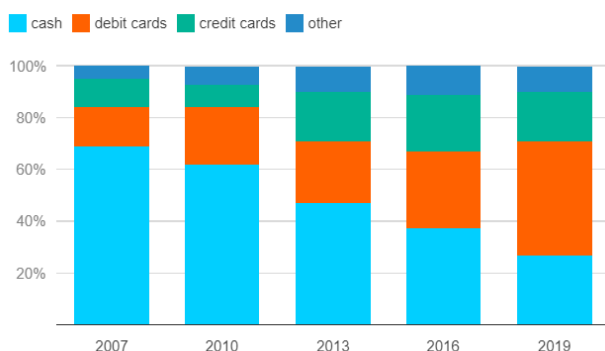
Hình trích từ trang <https://www.quillgroup.com.au/blog/cashless-society/>

Khối lượng của một quan tiền (khoảng 1,500 gram) so với một thẻ tín dụng (khoảng 5 gram) là 300 so với 1 (hay **300:1**), tuy nhiên giá trị của một quan tiền so với một thẻ tín dụng hiện

<sup>7</sup> Có lẽ đầu tiên là tác giả Charles Lemire (1868, sđd) đã dùng một thành ngữ La Tinh để bày tỏ ý mình về loại tiền này "*non numerantur, sed ponderantur*" (không đếm được mà phải cân/NCT). Xem thêm chi tiết trang này [https://www.wikiwand.com/en/String\\_of\\_cash\\_coins\\_\(currency\\_unit\)](https://www.wikiwand.com/en/String_of_cash_coins_(currency_unit)). Nhận xét này khá chính xác cho tiền đồng nhà Nguyễn vì ngoài loại tiền có ghi khối lượng rõ ràng như lục văn, thập văn, thất phân thì còn một loại không ghi gì cả mà ta phải cân để định giá. Cách định giá tiền tệ như vậy rất khác biệt với hệ thống tiền tệ theo truyền thống Tây phương (tiền đếm so với tiền "cân").

<sup>8</sup> Nên phân biệt với đồng tiền ảo (virtual currency) như bitcoin (BTC), tiền điện tử, tiền mã hóa hay tiền kỹ thuật số hiện nay. Một điểm chung là thanh toán chi phí mà không dùng tiền mặt, ngay cả đến ngày hôm nay, người viết (NCT) vẫn chưa hoàn toàn quen thuộc với khái niệm ttkdtm so với thể hệ trẻ hơn.

nay có thể ngược lại tỷ số trên, hay là bằng 1 so với 300 (hay **1:300**). Thí dụ như một thẻ tín dụng có thể trả chi phí tối đa (mức tín dụng/credit limit) là 30,000 AUD (đô la Úc); trung bình một ngày làm được 100 AUD (tương đương với 1 quan tiền là lương làm một ngày thòi trước), do đó tỷ số giá trị là 30,000:100 hay **300:1**. Trong thực tế thì thẻ tín dụng có nhiều ưu điểm hơn thẻ nữa như di chuyển gọn gàng (không cần khoảng rộng như một xấp tiền mặt), vay tiền ngắn hạn, chủ động chi tiêu qua những tóm tắt chi tiêu (từ ngân hàng), thanh toán chi phí nhanh chóng và mức vệ sinh cao ...v.v... Khuyh hướng dùng tiền mặt cũng càng ngày càng ít đi ở bên Úc<sup>9</sup>, theo thống kê của Ngân Hàng Dự Trữ Úc (Reserve Bank of Australia):



Source: Reserve Bank of Australia - Get the data - Embed

Tóm lại, chỉ trong vòng **100 năm** - khi so sánh hình chụp một người nông dân mang<sup>10</sup> quan tiền trên vai với một người cầm thẻ tín dụng trả các chi phí hiện nay - xã hội VN đã thay đổi rất nhiều, nhất là khi so với thời LM de Rhodes sang An Nam truyền đạo cách đây khoảng **400 năm**. Kỹ thuật đúc tiền, dùng và giữ tiền đã tạo ra hàng loạt kỹ nghệ phụ thuộc như trong ngôn ngữ qua các cách dùng râu tiền, lõi tiền, vỉa tiền, tiền quý, tiền gián (và tiền giả), lỗ lâu ... Qua các tài liệu nước ngoài khi giao dịch với VN trước đây, ảnh hưởng của Bồ Đào Nha cũng khá dễ nhận ra<sup>11</sup> qua cách dùng tiền **mace** (masse/Pháp) và **sepeck** (sapèque/Pháp) cho đến TK 19 trước thời Pháp thuộc. Các làn sóng dịch **coronavirus** năm nay (2020) cho ta thấy xã hội cần một mức vệ sinh rất cao để phòng chống lây lan, hay nên dùng tối thiểu tiền mặt khi đã qua tay nhiều người cũng như những dịch vụ **không cần tiếp xúc trực tiếp** (contactless). Khái niệm về tiền tệ không những khác biệt giữa văn hóa Tây và Đông phương, nhưng cũng thay đổi rất nhiều so với TK 17 khi các giáo sĩ Âu Châu sang ĐNA truyền đạo. Hi vọng loạt bài này sẽ gợi ý cho bạn đọc tìm hiểu sâu xa hơn về hệ thống tiền tệ<sup>12</sup> nước ta từ xưa đến nay với những kết quả thú vị.

#### 4. Tài liệu tham khảo chính

1) Cristophoro Borri (1631) "Relatione della nuova missione delli P.P. della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina" (Nhiệm vụ mới của các cha dòng Tên ở Vương quốc Đàng

<sup>9</sup> Ở VN cũng có những hoạt động khuyến khích việc thanh toán không dùng tiền mặt, đây là một xu hướng toàn cầu khá rõ nét, td. như bệnh viện Nhân dân Gia Định TPHCM đã bắt đầu áp dụng cách trả tiền từ ngày 23/7/2020 - xem chi tiết trang này [http://congan.com.vn/doi-song/suc-khoe/trien-khai-giai-phap-thanh-toan-vien-phi-khong-dung-tien-mat\\_96343.html](http://congan.com.vn/doi-song/suc-khoe/trien-khai-giai-phap-thanh-toan-vien-phi-khong-dung-tien-mat_96343.html) ...v.v...

<sup>10</sup> Đúng hơn là **vác** hay **gánh** quan tiền vì sức nặng của râu tiền 600 đồng, so với thẻ tín dụng chỉ cần hai ngón tay để sử dụng - so sánh hai bức hình minh họa trong bài.

<sup>11</sup> Xem thêm các bài viết như "Tiếng Việt thời LM de Rhodes – “Phổ Kiến (Phúc Kiến), Chincheo và Varella ... (phần 23)", "Tiếng Việt thời LM de Rhodes – cách gọi ngày tháng/thời gian (phần 6)" để cho thấy ảnh hưởng của ngôn ngữ/văn hóa Bồ Đào Nha trong tiếng Việt mà ít người nhận ra.

<sup>12</sup> Như từ các góc nhìn ngôn ngữ, văn hóa, thành phần kim loại và khối lượng, độ bền, ảnh hưởng Tây phương ...

Trong - NCT) bản dịch của tác giả Phạm Văn Bản 4/2011 - có thể xem toàn bài trang này <https://thunhan.org/images/file/OGaaTdlb0wgQAKwp/mar-31-11-cristoforo-borri-vietnamese-avril-5-1-.pdf> .

2) John Crawford (1830) "Journal of an Embassy from the Governor-general of India to the Courts of Siam and Cochin China" NXB H. Colburn and R. Bentley (London, Anh quốc).

3) "Đại Việt Sử Kí Toàn Thư " Bản in Nội các quan bản - MỘC BẢN KHẮC NĂM CHÍNH HOÀ THỨ 18 (1697) trích từ trang này <http://www.nomfoundation.org/nom-project/history-of-greater-vietnam/Preface?uiLang=vn>.

4) Lê Quý Đôn (cuối TK 18?) "Phủ Biên Tạp Lục" Đào Duy Anh hiệu đính (2007) - NXB Văn Hóa Thông Tin - sách có tái bản nhiều lần với các tác giả hiệu đính khác nhau.

5) Phạm Quốc Quân (chủ biên)/Nguyễn Đình Chiến/Nguyễn Quốc Bình/Hùng Bảo Khang (2005) "Tiền Kim Loại Việt Nam" NXB Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam (Hà Nội). Một tài liệu tham khảo với nhiều thông tin về khối lượng của các loại đồng tiền xưa.

6) Alexandre de Rhodes (1651) "Phép Giảng Tám Ngày" - Tủ Sách Đại Kết in lại từ Tinh Việt Văn Đoàn (1961 - Sài Gòn) với phần giới thiệu của tác giả Nguyễn Khắc Xuyên.

————— (1651) "Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum" thường gọi là từ điển Việt-Bồ-La; bản dịch của Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính - NXB Khoa Học Xã Hội, Thành Phố HCM (1991).

————— "Tường Trình về Đàng Trong 1645" bản dịch của Hồng Nhuệ, NXB Ánh Sáng Publishing, Escondido (California/Mỹ, 1994?).

————— "Lịch sử Vương Quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646" dịch giả Nguyễn Khắc Xuyên - Tủ sách Đại Kết, Thành phố HCM (1994).

7) Jules Silvestre (1883) "Notes pour servir à la recherche et au classement des monnaies et médailles de l'Annam et de la Cochinchine française" Imprimerie Nationale (SaiGon).

8) Jean Louis Taberd (1838) - tên Việt là cố Từ - "Dictionarium Anamitico-Latinum" Serampore (Bengale).

9) Nguyễn Cung Thông (2020) "Tiếng Việt thời LM de Rhodes - tiền gián, bẻ tiền bẻ đũa" (phần 21) có thể tham khảo bài viết này trên trang này chẳng hạn <http://vanviet.info/nghien-cuu-phe-binh/tieng-viet-thoi-lm-de-rhodes-tien-gin-be-tien-be-dua/> ...v.v...

————— (2020) "Tiếng Việt thời LM de Rhodes – tiền quý, cheo, tính tiền khi đi chợ ..." (phần 21A) có thể tham khảo bài viết này trên trang này chẳng hạn <https://nghiencuulichsu.com/2020/08/11/tieng-viet-thoi-lm-de-rhodes-tien-qui-cheo-tinh-tien-khi-di-cho-phan-21a/> ...v.v...

10) Lục Đức Thuận/Võ Quốc Ky (2009) "Tiền cổ Việt Nam" Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Hà Nội, Việt Nam) - có tái bản (2017) ...

11) Francis Turner (cập nhật 2019) "Money and exchange rates in 1632" tham khảo trên mạng <https://1632.org/1632-tech/faqs/money-exchange-rates-1632/>

12) John White (1823) "A Voyage to China Sea" NXB Wells and Lilly (Boston, Mỹ).